

VỀ QUỐC HIỆU NƯỚC TA ĐỜI NHÀ ĐÌNH*

Nguyễn Tài Cẩn

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 13 tháng 4 năm 2010

Tóm tắt. Đại Cồ Việt là quốc hiệu của nước ta đời nhà Đinh. Thành tố CỒ trong Đại Cồ Việt là gì, hiện vẫn là một câu hỏi lớn cho giới Việt học. Đến nay, chúng ta đã thấy một số giả thuyết như sau:

- Cồ = lớn; và Cồ Việt là *nước Việt to lớn*.
- Cồ là cách nói tắt của cách phát âm Hán Việt *Cồ Đàm*, xuất phát từ một từ tiếng Sanscrit *Gautama*, nghĩa là Phật; và Cồ Việt có nghĩa là *nước Việt theo Phật giáo*.
- Cồ Việt là nước Việt hùng mạnh có vũ khí *cồ* (*cồ* là cây giáo)

Dựa trên những tư liệu và phân tích về mặt ngôn ngữ học lịch sử, bài viết này đề xuất một giải thuyết khác.

VIỆT là một từ gốc Hán, vốn có vô ngữ âm là * h^uwet. Về mặt lịch sử, do ảnh hưởng của cách nói của người (Việt) bản địa, từ này đã biến đổi theo hai hướng:

Thứ nhất, âm hút vào, tròn môi * h^u thuộc thanh mẫu VÂN của hệ thống âm đầu tiếng Hán trung đại bị rụng đi, còn * wet được bảo toàn và biến đổi cho ta VIỆT, một từ đơn tiết.

Thứ hai, * h^uwet đã biến đổi theo một hướng cá biệt thành * k^uwet rồi phụ âm * k^u được tách ra, được âm tiết hóa thành CỒ; yếu tố *wet biến đổi cho ta VIỆT; và ta có Cồ Việt, một tên gọi song tiết.

Sự tồn tại song song của ba tên gọi Đại Cồ Việt, Đại Việt và Việt là do tính bảo thủ của văn tự và tính không nhất quán trong cách ghi chép của xã hội.

Gần đây đã có những sự bàn bạc khá sôi nổi xung quanh vấn đề quốc hiệu đời nhà Đinh. Chúng tôi đã được một số bạn bè gửi thư và bài đến hỏi ý kiến, nhưng chúng tôi chưa có đủ điều kiện để giải quyết triệt để, vậy sơ bộ chỉ xin có mấy lời thưa lại như sau, về phương hướng nghiên cứu.

CỒ HAY CỒ

Trước hết là vấn đề chữ CỒ (âm Bạch thoại qu) trong Hán ngữ. Chữ này thuộc bộ NGU,

nhập NGỘ. Theo thống kê của chúng tôi, vận bộ NGU, trong cách đọc Hán Việt, đã cho chúng ta 137 chữ đọc với U, 7 chữ đọc với Ô, 5 chữ đọc với O và 11 chữ đọc với AU [1].

Vậy đọc CỒ thì thuận theo đa số.

Nhưng *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh đọc là CỒ trong CỒ NHIÊN và *Từ điển Phật học Hán Việt* (Kim Cương Tử chủ biên, Hà Nội, 1992, tr.276) đọc là CỒ trong CỒ ĐÀM (Gautama) thì cũng là điều đã có tiền lệ. Và cũng dễ hiểu vì sao trước nay quốc hiệu đời nhà Đinh thường cũng được chúng ta quen gọi là ĐẠI CỒ VIỆT.

* Để tiện cho việc in ấn, trong bài này, tác giả dùng chữ Quốc ngữ in hoa để ghi các âm tương ứng, trừ một vài trường hợp đặc biệt mới dùng ký hiệu phiên âm quốc tế [BBT].

Trên đây là nói về cách đọc Hán Việt. Còn nói về cách đọc Nôm thì dùng một chữ Hán thuộc vận bộ NGU hay vận bộ MÔ để ghi Nôm vần U, vần Ô đều được cả. Ngay thế kỷ 17 chúng ta đã có những cách ghi như sau:

- Dùng vận bộ NGU:
 - + ghi Ô trong CỎ dùng thanh phù CỤ;
 - + ghi U như trong RỦ dùng chữ LỮ;
- Dùng vận bộ MÔ
 - + ghi Ô như trong NỎ dùng chữ NỎ;
 - + ghi U như trong BỬ dùng thanh phù BỔ.

(ĐẠI CỎ) + VIỆT hay ĐẠI + (CỎ VIỆT)?

Có lẽ, nên phân tích ĐẠI CỎ VIỆT thành ĐẠI + (CỎ VIỆT) chứ không nên phân tích thành (ĐẠI CỎ) + VIỆT.

- Xin nói rõ ba lý do như sau đi ngược chiều với (ĐẠI CỎ) + VIỆT:

*** Nếu cho ĐẠI CỎ ghi nhầm từ một chữ CỎ đặt theo lối hình thanh, bao gồm nghĩa phù ĐẠI và thanh phù CỎ thì trong các bản Nôm càng cổ càng rất ít khi gặp mô hình cấu tạo ấy. Xưa phần lớn người ta thường dùng lối giả tá, mượn một chữ Hán để ghi một tiếng Nôm đồng âm hay có âm gần gũi. Không phải ngẫu nhiên mà cách viết CỎ = đại + cỏ, tự điền chữ Nôm của viện Hán Nôm cũng chỉ mới tìm được trong thơ Tú Xương !

*** Nếu cho ĐẠI CỎ là cách ghi một dạng cỏ song tiết (kiểu như LA ĐÁ = đá), hay các tổ hợp phụ âm ở đầu (kiểu như BA LAI = Blái > trái) thì hiện có quá ít tiền lệ về trường hợp Đ...K...! Trong kinh Phật thuyết... có ký hủy đời Trần, trên tổng số hơn 100 lần dùng kiểu chữ này cũng chỉ có một ví dụ Đ...K... mà thôi: đó là cách dùng ĐA KỶ// CỎ ? để ghi tiếng GHE với nghĩa là “nhiều” [2].

*** Còn nếu ĐẠI CỎ là 2 chữ (một Hán Việt, một Nôm) đồng nghĩa với nhau thì tổ hợp đó cũng đã bị nhiều người phản bác, nghi ngờ.

- Trong lúc đó cách phân tích thành ĐẠI + (CỎ VIỆT) có thuận lợi hơn nhiều. Ít nhất như dưới đây sẽ thấy, sẽ có hai khả năng có thể đưa ra, ủng hộ nó.

GIẢ THUYẾT I: CỎ VIỆT = nước VIỆT hùng mạnh có vũ khí CỎ

1) Giả thuyết này, nhìn chung, khá quen thuộc. Theo giả thuyết này thì:

- CỎ VIỆT đặt theo mô hình của LẠC VIỆT, ÂU VIỆT, NAM VIỆT, MÂN VIỆT v.v

- Còn chữ ĐẠI là thêm vào sau để nhấn mạnh: CỎ VIỆT > ĐẠI CỎ VIỆT là một sự sáng tạo thuộc cùng một kiểu như ĐÔNG Á > ĐẠI ĐÔNG Á trong chiến tranh thế giới lần thứ 2 vừa qua. Cách sáng tạo này xưa nay khá phổ biến, trong từ ngữ thông thường cũng như trong danh từ riêng. Trong cuốn TỬ HẢI có thể dẫn:

*** Những ví dụ như: bắt kính// đại bắt kính; đa số//đại đa số, hòa thượng//đại hòa thượng...

*** rất nhiều tên chỉ các chức vụ như: nguyên soái // đại nguyên soái, tư đồ // đại tư đồ, tư mã // đại tư mã...

*** và cả những danh từ riêng như: Nhục Chi // Đại Nhục Chi (quốc danh ở Tây vực), Cô Đường // Đại Cô Đường (địa danh ở Giang Tây), Kim Xuyên // Đại Kim Xuyên (tên sông ở Tứ Xuyên), Thanh Hà // Đại Thanh Hà (tên sông ở Hà Bắc) v.v.

2) Nhưng chúng ta hiện có một số cứ liệu khá quan trọng: như cách gọi CỎ VIỆT trong 2 câu đối cỏ, trong Việt sử... tứ tự ca, hay cách gọi tắt CỎ VIỆT thành CỎ trong CỎ KÍNH, CỎ ĐỒ v.v (dẫn theo bài của Nguyễn Anh Huy [3]). Vì vậy chúng ta nên xoáy sâu thêm vào tên gọi CỎ VIỆT này.

- Như mọi người đều biết, trước nay giới nghiên cứu thường nêu 2 cách hiểu chính:

*** CÔ VIỆT = nước Việt to lớn;

*** CÔ VIỆT = nước Việt thờ CÔ ĐÀM, nước Việt theo Phật giáo;

- Có lẽ, nếu đứng đơn thuần về mặt ngôn ngữ mà xét, thì ít nhiều cách hiểu nào cũng đều có thể gắng gượng bảo vệ được cả:

*** Phản bác rằng kết hợp tiếng Nôm với tiếng Hán thì không nên, hay đặt tính từ trước danh từ là sai ngữ pháp thì có thể tạm cãi lại với những ví dụ đã có từ lâu như BỐ CÁI ĐÀI VƯƠNG, NHANH TRÍ, YẾU THỂ hay khả năng tạo từ đang xảy ra trước mắt như NHÓT KẾ, VÔI HÓA...

*** Còn phản bác rằng CÔ trong CÔ ĐÀM là một tiếng ngoại lai, nói tắt từ Gautama, không thể đặt trước chữ VIỆT thì cũng có thể phản bác lại bằng cách dẫn khả năng tạo ra những kết cấu hiện có như ION HÓA hay GA PHỐ, KÍP TRƯỜNG ... v.v.

- Nhưng đầu sao, cũng chưa cách hiểu nào trên đây được mọi người hoàn toàn nhất trí. Do vậy, Nguyễn Anh Huy mới đề xuất thêm một cách hiểu thứ ba [3]:

CÔ VIỆT = nước Việt hùng mạnh có vũ khí CÔ (CỔ là cây giáo).

Nên chẳng là dành ưu tiên cho cách hiểu mới mẻ này ? Bởi vì, với cách hiểu này, CÔ VIỆT không những tránh được các sự phản bác trên kia mà lại còn:

*** vừa hợp với thời đại: theo Nam Hải dị nhân, Đỉnh Bộ Lĩnh có gương, vậy thời đại nó thần đã chuyển sang thời đại gương giáo;

*** vừa có sự ăn khớp với tinh thần thượng võ, tinh thần tự hào trong các tên gọi VẠN THẮNG VƯƠNG, ĐÀI THẮNG MINH HOÀNG ĐẾ;

*** vừa có sự ăn khớp với cả cấu trúc của tên gọi LẠC VIỆT xa xưa. Xin so sánh:

+ LẠC VIỆT = vùng Việt có sản vật quý hiếm: có ruộng LẠC trồng lúa nước?/hay có chim LẠC thường về trú đông?/;

+ CÔ VIỆT = vùng Việt hùng cường có vũ khí mạnh gọi là CÔ.

GIÁ THUYẾT II: CÔ VIỆT = dạng 2 âm tiết của VIỆT

Chúng tôi cũng xin gợi thêm một giả thuyết: phải chăng, khoảng giữa thế kỉ 10, ở vùng quê hương Đỉnh Bộ Lĩnh, chữ VIỆT còn được đọc thành Ku/WET nên ĐÀI + VIỆT mới được ghi thành ĐÀI + CÔ/VIỆT? Giả thuyết này dựa trên lịch sử diễn biến của ngôn ngữ nên, đáng lí ra, phải trình bày theo phong cách ngôn ngữ học. Nhưng để tránh quá rắc rối nên chúng tôi chỉ xin chọn vài điểm quan trọng nhất, và gắng viết ra một cách phổ thông, đơn giản nhất.

1) Chữ Việt, cũng như các chữ VI (với nghĩa là “bao vây”), VINH (như trong “vinh quang”), VỤNG (chỉ “vàng khí sáng xung quanh mặt trăng mặt trời”) v.v., theo giới Hán học, đều thuộc thanh mẫu VÂN. Vào khoảng đời Đường Tống, thanh mẫu VÂN đã tách ra khỏi thanh mẫu HẠP. HẠP xưa có phụ âm G (đọc theo Quốc ngữ), còn VÂN thì có một âm H hút vào.(1)

- Theo thống kê sơ bộ của chúng tôi:

*** có khoảng 10 trường hợp VÂN thuộc khai khẩu (không đứng trước W, không đọc tròn môi) nên tạm ghi là H;

*** và khoảng 70 trường hợp thuộc hợp khẩu (đọc tròn môi và đứng trước vần mở đầu bằng W) nên tạm ghi là Hu(W).

- Với qui ước như trên, có thể nói ở giai đoạn tiếng Hán trung cổ:

*** VIỆT có phát âm là HuWET; VI/VÂY có phát âm là HuWI //HuWEI

*** Nhưng phụ âm Hu hút vào và tròn môi của thanh mẫu VÂN, theo S.A.Starostin, rất linh động, có khi rụng hẳn [6]. Khi đó chúng ta chỉ còn lại WET, WI // WEI và chúng sẽ dẫn đến VIỆT, VI // VÂY.

Chuyện bỏ âm đầu, chỉ giữ lại phần sau như vậy đến sau thế kỷ 17 vẫn còn, ví dụ MLỜI bỏ M còn LỜI, TLÍU TLO bỏ T còn lại LÍU LO. Và hiện nay vẫn thế, ví dụ vay BLEU mà bỏ B, chỉ giữ lại LỞ trong XANH LỞ. Vậy chuyện HuWET đưa đến VIỆT, HuWI // HuWEI đưa đến VI // VÂY là chuyện của một truyền thống đã kéo dài hơn 1000 năm.

Nhưng Hu cũng có trường hợp không rụng, lại chuyển thành Ku, như trường hợp VÂY đưa đến QUÂY. Trường hợp VỤNG / VÀNG cũng vậy: chúng đưa đến QUẢNG như trong câu tục ngữ QUẢNG HẠN TÁN MƯA. Rõ ràng đã có quá trình KuWEI > KuEI, KuWÀNG > KuÀNG, xóa bỏ yếu tố W ở giữa. Thế kỷ 17 A.D.Rhodes cũng cho thấy MLÁC có thể bỏ L, còn MÁC. Và hiện nay chúng ta cũng còn thấy có thể vay CRÈME, bỏ R, còn KEM. Vậy chuyện sản sinh ra QUÂY, QUẢNG cũng đã đi theo một truyền thống có mặt trên 10 thế kỉ.

2) VIỆT cũng có trường hợp chuyển từ HuWET đến KuWET, nhưng VIỆT không đưa đến QUYẾT theo kiểu của VÂY // QUÂY, VÀNG // QUẢNG. Vì sao? Đó là vì - theo ngôn ngữ học - chúng ta có QUYẾT trong QUI QUYẾT, nếu VIỆT còn cho thêm QUYẾT nữa thì gây thêm đồng âm, trở ngại cho việc giao tiếp.

Để bù lại, KuWET sinh ra cách nói CỒ VIỆT. Tiếng CỒ là do phụ âm tròn môi Ku- của từ KuWET được âm tiết hóa mà thành (tức được tách riêng, ghi bằng 1 âm tiết).

Cách làm này cũng giống như TRÔNG, TRÔNG thế kỉ 17 có TL nhưng xưa là KL, nên phụ âm đầu K được ghi Nôm bằng CÁ, bằng CỒ (TRÔNG = CÁ LUNG ở Kinh Phật thuyết; TRÔNG = CỒ LỘNG ở trên chuông đời Vĩnh

Tộ vùng Yên Phong). Hay giống như gần đây, S trong Stalin, KH trong Khrusôp có hồi đã đưa đến hai âm tiết XÍT, KHỜ trong cách phiên âm thành XÍT-ta-lin và KHỜ-rút-sốp. Hoặc, để gần cuộc sống chúng ta hơn nữa, cũng có thể dẫn đến cả chuyện phụ âm C-trong CRÈME đã đưa đến tiếng CÀ trong cách nói CÀ REM mà Nguyễn Quang Sáng đã đưa vào trong tác phẩm "Vĩnh râu" của mình. Rõ ràng chuyện Ku (trong KuWET) thành CỒ (trong CỒ VIỆT) là một cách làm cũng đã trở thành một mô hình được tuân thủ suốt từ đời nhà Đinh đến nay.

Còn sự tồn tại song song, đồng thời của cả 2 cách nói VIỆT và CỒ VIỆT thì có gây phiền phức gì không? Xin thưa rằng không! Bởi vì:

*** Nhìn chung, chuyển một chữ gốc Hán mà có đến 2 cách đọc vốn là chuyện bình thường. Hơn nữa chúng ta lại còn có thói quen - còn phổ biến đến tận ngày nay - là trong tiếng thuần Việt, vừa có thể nói CẢI NHÂY vừa có thể nói CẢI CÙ NHÂY, vừa có thể nói ĐI THỌT, vừa có thể nói ĐI CÀ THỌT v.v.

Mà ở Việt Nam, lối biến một dạng đơn âm thành một dạng song âm như vậy cũng thấy có cả ở từ gốc Hán: trong phần dịch Nôm bản kinh PHẬT THUYẾT chúng ta vừa gặp cả XUỐNG, XA, KÍNH, THUYẾT vừa gặp cả A XUỐNG, KHẢ XA, XÁ KÍNH, XÁ THUYẾT;

Vậy có khác gì vừa nói cả VIỆT, vừa nói cả CỒ VIỆT!

3) Chú thích thêm:

- Nếu so sánh XA với KHẢ XA, XUỐNG với A XUỐNG, KÍNH với XÁ KÍNH, THUYẾT với XÁ THUYẾT chúng ta thấy ở đầu tiên âm tiết cũng chỉ có giá trị ngữ âm: KHẢ ứng với KH // Kha // KHu...; XÁ ứng với S // Sa // Su... (S đọc X theo Bắc bộ và quốc tế); còn A ứng với một âm tắc thanh hầu ?A/?U...Nếu so với cả từ ngữ bản địa thì cũng vậy: VUI lúc ghi BÔI, lúc ghi TƯ BÔI, thêm TƯ chỉ là để phản ánh âm tiết TA có trong cách

đọc cổ TA PUI hiện còn giữ ở Rục. Vậy CÔ trong CÔ VIỆT chắc cũng chỉ có giá trị về ngữ âm như KHẢ, như A, như XÁ như TƯ vừa nói ở trên. Giải thích rằng CÔ có ý nghĩa này, ý nghĩa nọ chắc là chuyện tìm hiểu, phong đoán của đời sau.

- Chúng ta đã thấy những dạng song tiết được cấu tạo giống như kiểu CÔ VIỆT nhưng có vỏ ngữ âm không giống. Nếu nay muốn có những tiền lệ đọc lên nghe gần gũi hơn thì nên dẫn những ví dụ như:

*** CÙ BÁT CÙ BƠ cùng nghĩa với VÁT VƠ. Về âm xin so sánh CÙ BÁT với VÁT; CÙ BƠ với VƠ.

*** Hay so sánh CÙ BỪNG với VÔNG (trong CẦU VÔNG).

+++ CÙ BỪNG có ở trong tục ngữ “SỔ CÙ BỪNG lấy thùng mà đựng”. SỔ trong A.D.Rhodes có nghĩa là “cái mồng”.

+++ VÔNG có ở trong tục ngữ “MỒNG đông VÔNG tây”.

VÔNG vốn xuất phát từ chữ HÔNG, cùng một nghĩa như vậy, ở trong tiếng Hán. HÔNG thuộc thanh mẫu HẠP, vốn phát âm là GWONG, nhưng sau chắc cũng đã chuyển thành KuWONG. So sánh chuyện KuWONG (< GWONG) mà đưa đến CÙ BỪNG // CẦU VÔNG với chuyện KuWET (< HuWET) mà đưa đến CÔ VIỆT thì thấy quả cũng gần gần như nhau! Còn nếu đọc là CÙ VIỆT thì hai bên lại càng gần nhau hơn nữa !

4) Nói tóm lại, ý kiến của chúng tôi là:

- Chữ Việt gốc Hán, vốn có vỏ ngữ âm là HuWET. Nhưng dưới tác động của lối nói năng trong xã hội của người bản địa, nó đã tách đôi đi theo 2 hướng diễn biến khác nhau, đưa đến 2 kết quả khác nhau:

*** Một hướng diễn biến xảy ra chung với rất nhiều chữ khác nữa là để rụng mất phụ âm hút vào và tròn môi ở đầu (phụ âm Hu), chỉ còn

lưu lại bộ phận WET ở sau. Trường hợp này ta có cách đọc đơn âm là VIỆT.

*** Một hướng diễn biến nữa, rất cá biệt, là HuWET chuyển thành KuWET, rồi phụ âm Ku tách ra thành một âm tiết riêng là CÔ, vẫn WET còn lại vẫn đọc VIỆT. Trường hợp này ta có dạng song âm là CÔ VIỆT.

- Hai lối nói VIỆT và CÔ VIỆT không loại trừ nhau. Thời Đinh Bộ Lĩnh chúng cùng song song tồn tại. Bởi vì xung quanh những cách nói này, người ta cũng đã có thói quen - lưu đến tận mãi ngày nay - là hay dùng những lối nói nước đôi như CÁI NGOÉO / CÁI CÙ NGOÉO hay như ví dụ CẢI NHẬY / CẢI CÙ NHẬY đã dẫn ở trên kia.

- Chắc Đinh Bộ Lĩnh thích lối nói hai âm tiết nên triều đình ghi quốc hiệu là ĐẠI CÔ VIỆT. Nhưng lò gạch trong vùng vẫn thích nói gọn nên vẫn ghi là ĐẠI VIỆT..

- Về sau Việt càng ngày càng phổ biến, lấn át hẳn CÔ VIỆT.

Từ ĐẠI CÔ VIỆT đến CÔ VIỆT và đến CÔ...

Còn câu chuyện vì sao sau khi cách đọc đơn âm là VIỆT đã được phổ biến vẫn có tài liệu ghi là CÔ VIỆT hay thậm chí còn ghi tắt là CÔ thì có thể giải thích bằng 2 lí do như sau:

- cách viết trong văn tự bao giờ cũng có tính cách bảo thủ, lưu lại vết tích ảnh hưởng lâu dài hơn là cách đọc, cách phát âm;

- và cách ghi của xã hội không phải bao giờ cũng là một cách ghi đơn giản, 100% nhất luật trong mọi hoàn cảnh.

1) Ví dụ về tính bảo thủ của văn tự:

- Như hiện nay, ở phương ngữ miền Bắc chúng ta nói CON GIAI nhưng trong Quốc ngữ vẫn viết CON TRAI; còn trong chữ Nôm TRAI vẫn viết NAM + LAI hay BA + LAI. Vậy thì

trước kia cũng thế: đầu đã có dạng đơn âm là VIỆT nhưng lúc viết, các thể hệ con cháu về sau có khi vẫn dùng lại dạng cổ song âm là CỒ VIỆT hay thậm chí có khi giữ lại chỉ còn một âm tiết CỒ ở đầu. Gọi tắt tên riêng là một truyền thống. Đầu thế kỉ 20, thời Đông Kinh nghĩa thực, sau khi đã đọc tân thư theo lối người Việt, đã làm quen với những tên xa lạ như MẠNH ĐỨC TƯ CƯU hay như LƯ THOA, các lớp nhà Nho chúng ta vẫn có thể nói đến chủ thuyết của các “cụ LƯ, cụ Mạnh”, hoàn toàn theo mẫu của CỒ trong CỒ ĐỒ, CỒ KÍNH thuở trước !

- Chúng ta không nên chê trách cách ghi của các nhà viết sử, các nhà làm câu đối hoặc làm thơ đời xưa.

2) Ví dụ về cách ghi không đơn giản, nhất luật 100%

- Như trong cùng một bản giải âm kinh Phật thuyết... chữ VUI khi ghi bằng BÔI (ví dụ ở trang 13/a), khi ghi bằng 2 chữ TƯ và BÔI viết rời nhau (ví dụ ở trang 20/a).

- Hoặc như gần đây, trong cùng một thành phố, vừa dùng cả tên gọi mới vừa dùng cả tên gọi cũ: THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH // SÀI GÒN. Các báo “SÀI GÒN TIẾP THỊ, SÀI GÒN DOANH NHÂN” sớ dĩ vẫn giữ lại tên gọi cũ chắc là vì muốn tỏ ra tôn trọng thói quen của quần chúng, tôn trọng một truyền thống đã có từ lâu đời.

- Vậy chắc thế kỉ 15 cũng thế: rất có thể Ngô Sĩ Liên vừa viết ĐẠI VIỆT SỬ KÍ TOÀN THƯ vừa vẫn tôn trọng tên gọi cũ ĐẠI CỒ VIỆT, tuân theo truyền thống cũ, được bảo toàn trong thư tịch cổ hay trong trí nhớ của dân gian.

3) Và cũng tất nhiên, đứng trước các cách ghi cổ có khi đời sau đọc lên không thật hiểu và người ta thường đưa ra những cách giải thích khác: đó là giải thích theo các giới Ngôn ngữ học gọi là từ nguyên thông tục.

Chúng ta hiện chưa biết đâu là cách giải thích đúng theo thực tế lịch sử, đâu là cách giải thích theo từ nguyên thông tục. Chúng ta đang cần phải có một sự dày công nghiên cứu nữa mới mong đưa ra được một ý kiến giải đáp thực sự chắc chắn. Trước mắt, chỉ mới dám xin nêu lên một số hướng gợi ý để cùng nhau suy nghĩ, cùng nhau tiếp tục tìm tòi mà thôi.

Chú thích: (1) Theo nhà Hán học nổi tiếng S.A. Starostin, thanh mẫu VẤN có phụ âm H hút vào, phải ghi bằng ký hiệu khác H bình thường. Nhưng để tiện cho những bạn đọc không cần đi sâu vào ngữ âm lịch sử, chúng tôi chỉ ghi đại khái, không thêm dấu móc chỉ sự hút vào ở trên ký hiệu H, hoặc tạm không phân biệt cách ghi U đọc theo tiếng Việt với U đọc theo tiếng Pháp. Thay vì bảng ghi âm quốc tế, chúng tôi tạm dùng bảng chữ cái Quốc ngữ in hoa. Thanh điệu, chúng tôi cũng xin tạm gác lại, không ghi.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tài Cần, *Nguồn và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, tái bản năm 2000.
- [2] Hoàng Thị Ngo, *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, Hà Nội, 1999.
- [3] Nguyễn Anh Huy, a) *CỒ VIỆT chứ không phải ĐẠI CỒ VIỆT*, b) *Lộ trình của quốc hiệu CỒ VIỆT*.
- [4] S.A. Starostin. *Phụ nguyên hệ thống âm vị tiếng Hán thời thượng cổ* (bản tiếng Nga). Moskva, 1989.

On the official name *Đại Cồ Việt* during the Dinh dynasty

Nguyen Tai Can

Hanoi University of Social Sciences and Humanities, VNU, 336 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam

Đại Cồ Việt is the official name of our country during the Dinh dynasty. What is *Cồ* of this name? This has been being a difficult question for Vietnamese study circle. We have seen following hypothesis, so far:

- *Cồ* means *large*, and *Cồ Việt* means *the large Việt nation*.
- *Cồ* is the short Sino-Vietnamese pronunciation “*Cồ Đàm*” of Sanscrit noun *Gautama*, that means Buddha. And *Cồ Việt* means *the Buddhist Viet nation*.
- *Cồ Việt* means *the strong Viet nation having weapon named Cồ* (*Cồ* is lance).

Based on language evidence and historical linguistic analyses, this paper suggests another hypothesis.

Việt is the word of Chinese origin borrowed into Vietnamese and its sound used to be * h^uwet. Historically, due to the influence of Vietnamese native speakers' pronunciation, * h^uwet had changed in two ways.

Firstly, the round implosive * h^u of VAN initial category of the Middle Chinese initial system was lost, meanwhile * wet was remained and changed into *Việt*, a monosyllabic word.

Secondly, * h^uwet had specifically changed into * k^uwet, than * k^u had separated from * wet and syllabized and changed into *Cồ* [ko], meanwhile * wet changed into *Việt* [viet]. This way of change of * k^uwet has lead into the dissyllabic name *Cồ Việt*.

Đại Cồ Việt, *Đại Việt* and *Việt*, three names coexist due to conservativeness of writing system and discrepancy of writing in society.